

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2020

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP. HỒ CHÍ MINH
Mã chứng khoán: SAP
Địa chỉ : 240 Trần Bình Trọng, P.4, Quận 5, Tp.HCM
Điện thoại : 028.38353171 Fax: 028- 38352027

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Thông tin khái quát :

Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp.HCM được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Tp.HCM thuộc NXB Giáo Dục Việt Nam theo Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng BGD &ĐT. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30 /01/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh lần thứ 5 và gần đây nhất là ngày 10/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0303171300. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Tên tiếng Việt	Công ty cổ phần In sách giáo khoa Tp.HCM
Tên giao dịch quốc tế	TEXTBOOK PRINTING JOINT STOCK COMPANY IN HO CHI MINH CITY
Tên viết tắt	HCMTPC (SAPCO)
Trụ sở chính	240 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM
Điện thoại	(84) 028 38353171
Fax	(84) 028 38352027
Vốn điều lệ theo GCN ĐKKD	26.100.000.000 đồng
Vốn đã góp đến 31/12/2020	12.869.840.000 đồng
Giấy CNĐKKD	Số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30 /01/2004, thay đổi lần gần đây nhất ngày 10/10/2015 với mã số 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 28/03/2018 Sở giao dịch CK HN có thông báo số 241/TB- SGDHN về việc hủy niêm yết chứng khoán mã chứng khoán SAP kể từ ngày 26/04/2018.

2. Quá trình phát triển :

a/ Ngành nghề kinh doanh :

- In sách giáo dục, các loại xuất bản phẩm, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

- Sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, văn hóa phẩm.

- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

b/ Tình hình hoạt động:

- Sản lượng trang in chủ yếu là SGK, SBT của NXBGDVN, tuy nhiên trong năm sản lượng giao in SGD không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch giao in của NXBGDVN.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, học sinh nghỉ học từ tháng 1 đến hết tháng 4 năm 2020 việc triển khai in – phát hành SGD của NXBGDVN chậm hơn mọi năm (*chiếm 90% sản lượng in của Công ty*); Công ty không có đơn hàng ngoài, một số công đoạn đã hết việc NLD không có việc làm từ giữa tháng 3. Đồng thời, thực hiện cách ly xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ; Công ty đã ngừng sản xuất trong tháng 4/2020. Trong tháng 5 Công ty mới bắt đầu có đơn hàng trở lại và các tháng tiếp theo đơn hàng ít dẫn đến người lao động thiếu việc, ít việc, người lao động phải nghỉ chờ việc kéo dài.

- Kế hoạch triển khai in SGD kế hoạch 2020- 2021 cho công ty chậm và giao sản lượng trang in ít hơn so với các năm trước, đơn giá công in không tăng mà còn giảm 12,6 % so với đơn giá năm 2019 do NXBGD VN không còn hỗ trợ đơn giá công in cho các công ty trong hệ thống mà giao in theo giá bình quân đấu thầu.

- Máy móc thiết bị đã cũ, hư hỏng nhiều nên chi phí sửa chữa cao, công việc ở các công đoạn chưa đều, phải trả lương chờ việc, chờ sửa máy, ...

- Công ty đang phải vay vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh, không có nguồn thu từ hoạt động tài chính mà phải trả tiền lãi vay ngân hàng.

- Lao động ngành in khan hiếm, thu nhập của người lao động thấp nên khó tuyển dụng, không đủ lao động đứng máy do đó một số máy còn thiếu thợ, sản lượng trang in NXBGDVN giao giảm, công ty không đủ hàng dẫn đến sản lượng trang in không đạt chỉ tiêu kế hoạch làm giảm doanh thu.

- Tiền thuê đất tại 240 TBT năm 2020 tăng gấp 4 lần so với năm 2012.

- Thực hiện Nghị định 49/2013 về mức lương tối thiểu vùng (4.420 triệu đồng/tháng) làm tăng chi phí tiền lương và chi phí BHXH, BHYT, BHTN so với các năm trước.

- Chi phí vật tư, cước vận chuyển, điện, nước.v.v. tăng từ 10% đến 30%.

- Công ty tìm kiếm thêm nguồn in hàng ngoài nhưng không bù đắp đủ sản lượng SGK, SBT thiếu hụt dẫn đến các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chính vì những lý do nêu trên, năm 2020 công ty lỗ 675 triệu đồng.

3. Định hướng phát triển:

a/ In sách giáo dục các loại, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập là hoạt động chủ đạo, phấn đấu để đạt sản lượng trang in, bảo đảm chất lượng và tiến độ, doanh thu và lợi nhuận. Tiếp tục đổi mới công nghệ, thiết bị để đa dạng hóa sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí hạ giá thành, tăng lợi nhuận và mở rộng thị trường.

b/ Cuối năm 2017, công ty đã tìm được đối tác cho thuê tạm thời mặt bằng lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2 – TP.HCM.

c/ Về phát triển trung và dài hạn: Công ty phải có định hướng đầu tư đổi mới 01 số máy móc thiết bị ngành in. Có định hướng khai thác và sử dụng hiệu quả lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2 – TP.HCM

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được trong năm:

- Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2020 có nợ khó đòi là Công ty TNHH SX TM DV Vạn An với số tiền 75.315.940 đồng từ Tháng 5/2016 đến nay, tỷ lệ thu hồi công nợ là 95,0%, công ty đã trích lập quỹ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 75.315.940 đồng; Vật tư hàng hoá tồn kho ít, chủ yếu là vật tư dự trữ sản xuất, do vậy công ty không phải lập các khoản dự phòng giảm giá.

- Nền kinh tế cả nước đã và đang gặp rất nhiều khó khăn, đến nay vẫn chưa khả quan hơn. Các doanh nghiệp không in ấn, quảng cáo tiếp thị nhiều như trước đây, mặt khác máy móc thiết bị đã quá cũ không đáp ứng được nhu cầu in ấn các sản phẩm ngoài SGD nên nguồn hàng in ngoài không nhiều, không đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, chưa tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Thu nhập của công nhân ngành in cả nước nói chung và của công ty nói riêng còn rất thấp, không đảm bảo đời sống của người lao động nên có nhiều lao động nghỉ việc và khó tuyển dụng được lao động mới có tay nghề.

- Nguyên vật liệu chính là giấy in do các đơn vị đặt in giao chất lượng không đảm bảo làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm, tiến độ in, chi phí và thu nhập của người lao động.

- Nhà xuất bản giáo dục VN và các đơn vị thành viên là đơn vị chủ yếu cung cấp nguồn hàng chính cho công ty. Đã giúp công ty ổn định một phần nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm cho người lao động trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay.

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, sản lượng, ổn định sản xuất, vượt qua khó khăn để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác khai thác nguồn hàng ngoài sách giáo dục để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, tăng doanh thu, lợi nhuận, thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống CB CNV.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
Cơ cấu tài sản về cơ cấu vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	17,9%	20,8%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	82,1%	79,2%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,8%	27,9%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,2%	72,1%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	0,96	1,26
Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn – HTK/ Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	0,75	0,97
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng Doanh thu	%	(8,1%)	5,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	%	(8,1%)	5,8%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	(6,1%)	5,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	(6,1%)	5,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn chủ sở hữu	%	(8,8%)	7,0%

Với những lý do nêu trên, Khả năng sinh lời; khả năng thanh toán; Tỷ suất sinh lời của Công ty thấp so với yêu cầu. Trong năm 2020 công ty còn gặp nhiều khó khăn nên kết quả không đạt được như mong muốn. Công ty sẽ phấn đấu trong sản xuất kinh doanh để phát huy hiệu quả khi sử dụng vốn đầu tư của cổ đông.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (vốn chủ sở hữu): 7.631.825.805 đồng, giảm 41% vốn góp của cổ đông (12.869.840.000 đồng).
- Những thay đổi về vốn cổ đông:
 - + Vốn cổ đông là 12.869.840.000 đồng, trong năm không tăng thêm vốn
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Cổ tức:
 - + Cổ tức bằng tiền cho năm 2020: Không có cổ tức cho cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)	
				2020/2019	TH/KH
1. Doanh thu	10.174.669.174	12.000.000.000	8.346.362.897	82,0%	69,5%
2. Lợi nhuận sau thuế	594.285.875	500.000.000	(675.265.270)	(1113%)	(135%)

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

a/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- + củng cố tổ chức bộ máy phòng xưởng, sát nhập 02 xưởng thành 01 và bố trí nhân lực hợp lý ở từng công đoạn sản xuất trong bối cảnh thiếu lao động hiện nay.
- + Chú trọng công tác quản lý sản xuất, tuân thủ qui trình kỹ thuật, điều hành sâu sát theo qui chế gắn tiền lương với sản lượng, chất lượng sản phẩm, với hiệu quả sản xuất.

b/ Các biện pháp kiểm soát :

- + Kiểm tra chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm đầu ra. Kiểm tra chi phí giá thành, giá bán, định mức kinh tế kỹ thuật.v.v...
- + Tăng cường kiểm soát việc thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất. Xử lý nhanh các phát sinh trong sản xuất.
- + Tập trung nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nhằm tiết kiệm vật tư, nhân công, tăng năng suất lao động

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	31/12/2020	31/12/2019
TÀI SẢN			11.029.096.787	11.704.245.574
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.978.634.890	2.437.413.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		466.701.824	1.750.474.454
1. Tiền	111	5	466.701.824	736.611.440
2. Các khoản tương đương tiền	112			1.013.863.014
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		961.737.885	131.016.199
1. Phải thu khách hàng	131	6	1.036.455.289	197.998.075
2. Trả trước cho người bán	132			0
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		598.536	8.334.064
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(75.315.940)	(75.315.940)

IV. Hàng tồn kho	140	8	432.474.818	555.923.223
1. Hàng tồn kho	141	7	432.474.818	555.923.223
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.720.363	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
4. Thuế và các khoản phải thu NN	153		117.720.363	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.050.461.897	9.266.831.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		202.838.718	202.838.718
1. Phải thu dài hạn khác	216		202.838.718	202.838.718
II. Tài sản cố định	220		140.542.256	182.150.757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	140.542.256	182.150.757
- Nguyên giá	222		21.152.537.281	21.152.537.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.011.995.025)	(20.970.386.524)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	10	1.186.677.683	1.186.677.683
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.520.403.240	7.695.164.540
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.520.403.240	7.695.164.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.029.096.787	11.704.245.574
NGUỒN VỐN			11.029.096.787	11.704.245.574
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.397.270.982	3.266.411.606
I. Nợ ngắn hạn	310		2.060.593.299	1.929.733.923
2. Phải trả người bán	311	12	393.902.600	295.495.725
3. Người mua trả tiền trước				
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	13	122.602.155	97.721.309
5. Phải trả người lao động	314		298.969.956	271.013.897
6. Chi phí phải trả	315		262.935.939	285.308.264
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	45.217.360	169.443.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	991.136.151	924.350.979
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(54.170.862)	(113.599.450)
II. Nợ dài hạn	330		1.336.677.683	1.336.677.683
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.336.677.683	1.336.677.683
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.631.825.805	8.437.833.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	7.631.825.805	8.437.833.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	12.869.840.000	12.869.840.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	106.664.672	76.950.378
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		29.714.294	
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	(5.374.393.161)	(4.508.956.410)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.029.096.787	11.704.245.574

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.346.362.897	10.174.669.174
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.346.362.897	10.174.669.174
4. Giá vốn hàng bán	11		6.861.404.382	7.304.912.407
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		1.484.958.515	2.869.756.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.162.320	23.318.151
7. Chi phí tài chính	22		57.552.135	107.468.228
8. Chi phí bán hàng	24		201.800.132	279.525.767
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.922.351.257	2.118.092.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		(689.582.689)	387.988.751
11. Thu nhập khác	31		14.323.100	256.017.881
12. Chi phí khác	32		5.681	49.720.757
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		14.317.419	206.297.124
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(675.265.270)	594.285.875
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(675.265.270)	594.285.875
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(525)	462

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.584.129.066	10.688.511.299
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.961.320.140)	(2.492.285.627)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.245.109.941)	(4.490.302.574)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(60.312.845)	(106.857.070)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		718.235.290	1.132.544.732

7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.401.675.616)	(2.998.878.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.366.054.186)	1.732.732.330
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
3. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.496.384	14.984.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.496.384	14.984.087
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.484.172.416	2.876.203.209
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.417.387.244)	(3.039.904.170)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		66.785.172	(163.700.961)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.283.772.630)	1.584.015.456
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.750.474.454	166.458.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		466.701.824	1.750.474.454

V. Giải trình báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC - địa chỉ: 78-80, Đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 18, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 10/10/2015 thì mức vốn điều lệ của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2020, vốn góp thực tế của cổ đông là 12.869.840.000 đồng.

2. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán viên:

Ban Giám đốc Công ty thống nhất với ý kiến của Kiểm toán, thực hiện nghiêm chỉnh các khuyến cáo của Kiểm toán viên nhằm mục đích minh bạch, chính xác, đúng các quy định hiện hành, điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty.

VI. Các công ty có liên quan:

Công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đến ngày 31/12/2020

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	415.170	32,259%
2	Công ty TNHH ĐT XNK Viễn Đông	314.900	24,468%
3	Công ty TNHH ĐT BĐS Bến Thành	300.000	23,310%
4	Công ty TNHH ĐT & PT BĐS Bình Minh	63.200	4,911%

VII. Tổ chức và nhân sự:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông có sở hữu cổ phần tại thời điểm chốt danh sách đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của công ty.

2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông và Giám đốc để tổ chức chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động của công ty.

3. Ban kiểm soát

BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Ban Giám đốc

BGD gồm Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. BGD có nhiệm vụ tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Các phòng ban liên quan, xưởng sản xuất.

5. Về nhân sự năm 2020:

Đến ngày 31/12/2020, tổng số CBCNV của Công ty là 43 người. Trong đó, cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng là 7 người.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

Cơ cấu cổ đông thời điểm 31/12/2020.

STT	Cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
	Vốn Nhà nước		415.170	32,26%
1	Nhà xuất bản Giáo dục VN		415.170	32,26%

	HDQT, BGD, KTT, BKS		375	0,001%
1	Ông Nguyễn Thanh Sử	CT HDQT	0	0,000%
2	Ông Đỗ Thành Lâm	TV HDQT	330	0,000%
3	Ông Lê Chí Viện	TV HDQT kiêm Giám đốc Công ty	45	0,000%
4	Ông Trần Tấn Tâm	TV HDQT	0	0,000%
5	Ông Huỳnh Nhân Quý	TV HDQT	0	0,000%
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	0	0,000%
7	Ông Lê Văn Huyền	Trưởng BKS	0	0,000%
8	Bà Hoàng Ngọc Mai Khanh	TV BKS	0	0,000%
9	Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	TV BKS	0	0,000%
9	Cổ đông khác		871.439	67,74%
Tổng cộng			1.286.984	100,00%

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

Tp.HCM, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Giám đốc

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGKCKHN.
- Đăng trang Web công ty.
- Lưu



Lê Chí Viện